

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 283/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Chị Hà Thị T, sinh năm 1983;

Căn cước số: 015183009854, cấp ngày 10/09/2024, nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ: Thôn Y, xã L, tỉnh Lào Cai.

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1988;

Căn cước công dân: 015088010402

Địa chỉ: Thôn V, xã M, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07-04-2021 và Nguyễn Hồng N, sinh ngày 02/10/2025, đến khi cháu Đ, cháu N đủ 18 tuổi hoặc

khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 10-06-2026 (theo biên lai thu số 0002272 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai). Chị Hà Thị T được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- Viện kiểm sát ND khu vực 3 – Lào Cai;
- Phòng THADS KV 3- tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA, KT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương